

Bản án số: 36/2017/HNGĐ-ST
Ngày : 28-11- 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Duy Hiếu;

Ông Nguyễn Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Tâm – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Không.

Trong ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2017/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm 1962, nơi cư trú: Tổ 04, ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang, (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1955, nơi cư trú: Tổ 09, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang, (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày: Bà và ông S chung sống với nhau từ năm 1985 không đăng ký kết hôn hai ông bà sống chung với nhau tại khóm A, thị trấn B, huyện T. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc về sau thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thường xuyên tụ tập bạn bè uống rượu, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, mỗi lần say rượu ông S xúc phạm đến nhân phẩm của bà nên không thể tiếp tục sống chung với ông S, ông bà đã ly thân từ năm 2006 vào thời điểm năm 2013 bà cùng các con về xã L cất nhà riêng và sinh sống cho đến nay còn ông S vẫn sống tại B. Bà B xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn chung sống với nhau được nữa, nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng S. Về quan hệ con chung: Có 04

con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 2000. Cả 03 người con T, Tr, Nh đều đã trưởng thành và có gia đình, riêng Hồng G hiện nay đang sống với bà B nên bà không tranh chấp về con tùy con quyết định có nguyện vọng chung sống với ai cũng được, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Hồng S trình bày: Ông thống nhất với nội dung trình bày của bà B về quan hệ hôn nhân hai ông bà chung sống với nhau từ năm 1985 không đăng ký kết hôn và cũng thống nhất về con chung. Hai ông bà đã ly thân từ năm 2006, nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông cũng thống nhất ly hôn với bà B nhưng với một điều kiện khi nào các con ông có công ăn việc làm ổn định thì ông sẽ chấp nhận ly hôn với bà B. Về quan hệ con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 2000. Cả 03 người con T, Tr, Nh đều đã trưởng thành và có gia đình, riêng Hồng G hiện nay đang sống với bà B nên ông không tranh chấp về con tùy con quyết định có nguyện vọng chung sống với ai cũng được, ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Phạm Thị B đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 04, ấp V, xã L, huyện T, tỉnh An Giang và bị đơn ông Nguyễn Hồng S đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa chỉ: Tổ 09, khóm A, thị trấn B, huyện T, tỉnh An Giang. Bà B khởi kiện xin ly hôn ông S, Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị B và ông Nguyễn Hồng S chung sống với nhau từ năm 1985 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại điểm a, khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000*”. Xét thấy, quan hệ vợ chồng của bà B ông S được xác lập năm 1985 nên được Pháp luật công nhận vợ chồng mặc dù không đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa bà B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, bà B yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông

S còn ông S thì không đồng ý ly hôn tại thời điểm này mà mong muốn tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân với bà B đến khi các con có công việc làm ổn định thì ông sẽ đồng ý ly hôn với bà B. Hội đồng xét xử xét thấy, tình cảm vợ chồng của bà B và ông S đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông S thiếu tôn trọng bà B thể hiện qua các lần tụ tập bạn bè ăn nhậu ông có lời lẽ xúc phạm bà B và gia đình mẹ ruột của bà B nên bà B đã bỏ nhà đi xã L cất nhà riêng sinh sống từ năm 2013 đến nay, khi xảy ra mâu thuẫn, các bên không có sự quan tâm để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hơn nữa việc ông S đưa ra lý do không đồng ý ly hôn vì các con chưa có việc làm ổn định nhưng trên thực tế từ thời điểm xảy ra mâu thuẫn đến nay các con đều sống với bà B và chịu sự quan tâm chăm sóc giáo dục, cũng như tạo dựng gia đình riêng cho các con đều do bà B lo toan mọi mặt. Do đó, lý do ông S đưa ra không đồng ý ly hôn với bà B là không phù hợp. Tòa án đã động viên hòa giải đoàn tụ nhưng bà B vẫn cương quyết ly hôn. Ông S và bà B đã ly thân trong một thời gian dài, nhưng hai bên không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy tình trạng vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà B yêu cầu ly hôn với ông S là có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

- Về quan hệ con chung: Bà B ông S có 04 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 2000. Cả 03 người con T, Tr, Nh đều đã trưởng thành và có gia đình, riêng Hồng G hiện nay đang sống với bà B. Ông S bà B không tranh chấp việc nuôi cháu G tùy nguyện vọng của cháu muốn sống với ai tùy cháu quyết định. Tại bản tự khai ngày 17 tháng 11 năm 2017 cháu Nguyễn Hồng G có nguyện vọng được sống với mẹ là Phạm Thị B sau khi cha mẹ ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 chấp nhận cho bà B được tiếp tục nuôi cháu G, ông S không phải cấp dưỡng việc nuôi con. Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông S thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Riêng T, Tr và Nh đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bà B phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0018128 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 89, Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 93, Điều 94 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a, khoản 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10, ngày 09 tháng 06 năm 2000 về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B. Bà Phạm Thị B được ly hôn ông Nguyễn Hồng S.

- Về quan hệ con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1988; Nguyễn Thị Thùy Tr, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1998 và Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 2000. Thống nhất giao cháu G cho bà B tiếp tục nuôi dưỡng, ông S không phải cấp dưỡng việc nuôi cháu G. Bà B cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc ông S thực hiện quyền thăm nom, giáo dục, chăm sóc con. Trên cơ sở lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Riêng cháu T, Tr và Nh đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Phạm Thị B chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2015/0018128 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND h.Tri Tôn;
- Chi cục THADS h.Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Sơn Thị Thúy Liễu

